Ngày 04/09/2026

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Tổng quan thị trường

1847.54 19.82 1.08%

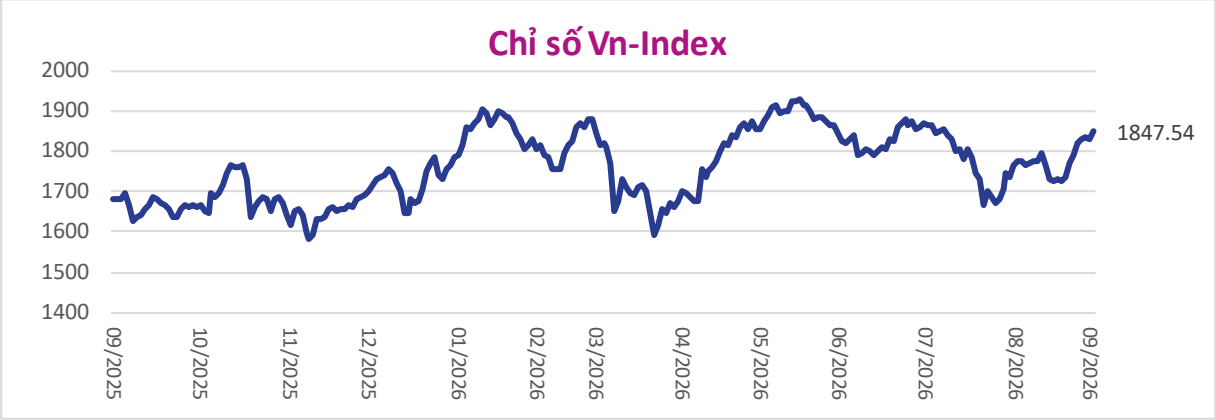

Phiên giao dịch sáng ngày 04/09/2026, chỉ số Vn-Index đang tăng điểm mạnh, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 19,82 điểm, và đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: VHM(+2,9%), VIC(+3,9%), VPB(+1,7%), VNM(+1,1%), trong khi đó mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: GAS(-1,3%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV tiếp tục trong xu hướng tăng.

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -1.601 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng 9/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -1.444 tỷ đồng. Luỹ kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -95.268 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang mua ròng 87 tỷ đồng.

Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành

Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↑
Thép ↓	Phân bón ↑	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↑	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓

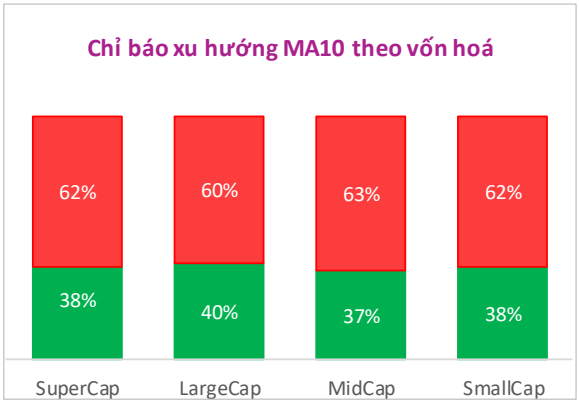

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Nhóm dẫn dắt thị trường

Top cổ phiếu ảnh hưởng đến chỉ số VN-Index trong ngày

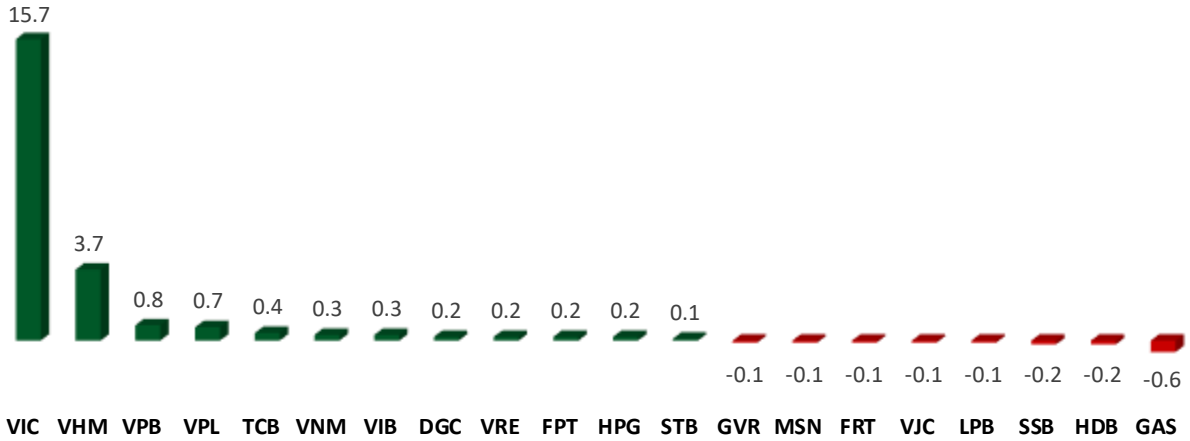

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

Giao dịch của NĐTNN theo ngày (tỷ VND)

Giao dịch của NĐTNN theo tháng (tỷ VND)

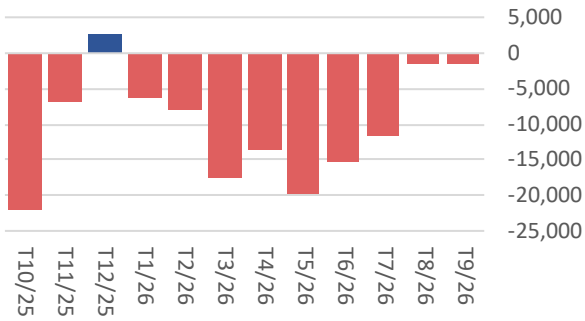

Thị trường phái sinh VN30

Số lượng hợp đồng phái sinh mở

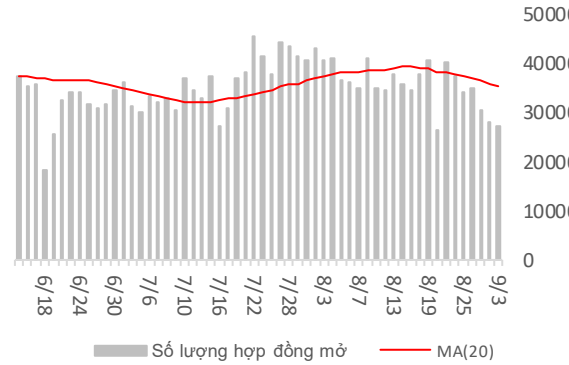

Vị thế nắm giữ phái sinh của tổ chức

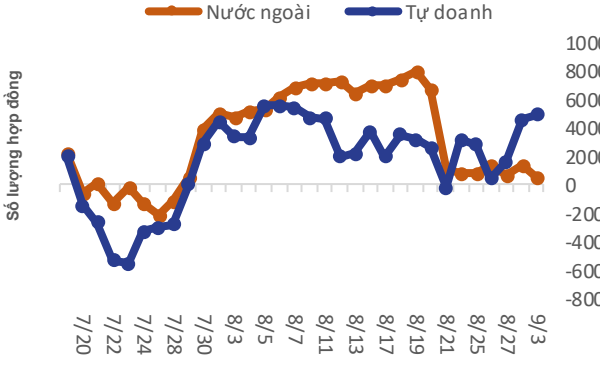

Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

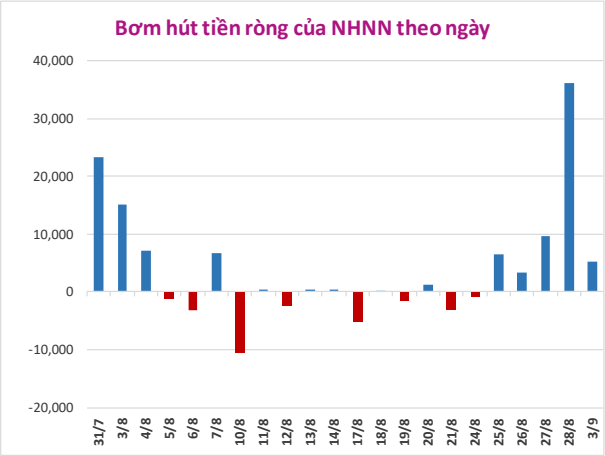

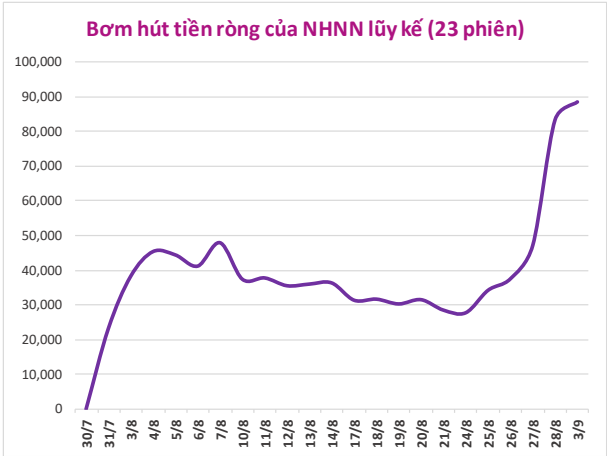

Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến Vnlndex 5 ngày gần nhất

VIC (+41.7)	SJS (+9.2)	VPI (+4.6)	DGC (+3.4)	SSB (+2.6)
FPT (+2.5)	VHM (+2.4)	VPL (+2.2)	VRE (+1.9)	DCM (+1.8)
TCB (+1.3)	LPB (-1.4)	SCS (-1.6)	BMP (-1.6)	GEE (-1.7)
PLX (-1.8)	VTP (-3.0)	DGW (-3.2)	PNJ (-4.5)	FRT (-6.5)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

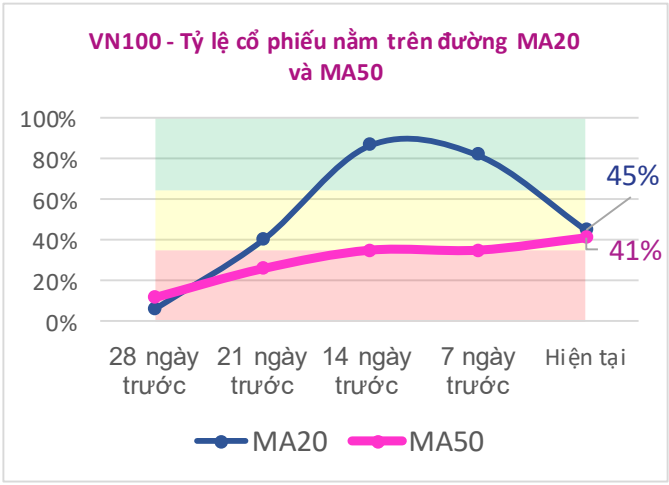

Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

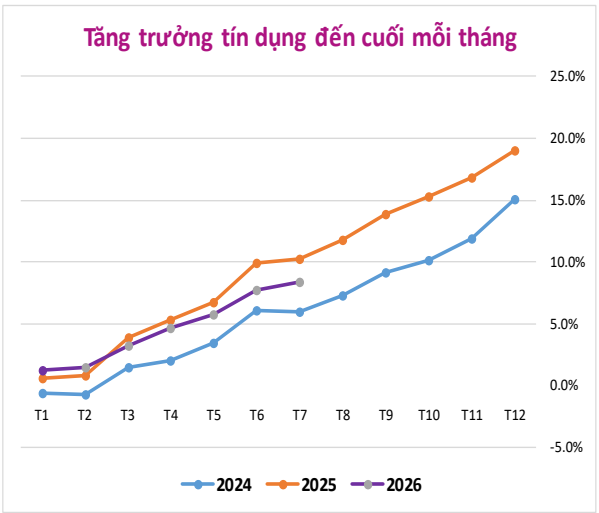

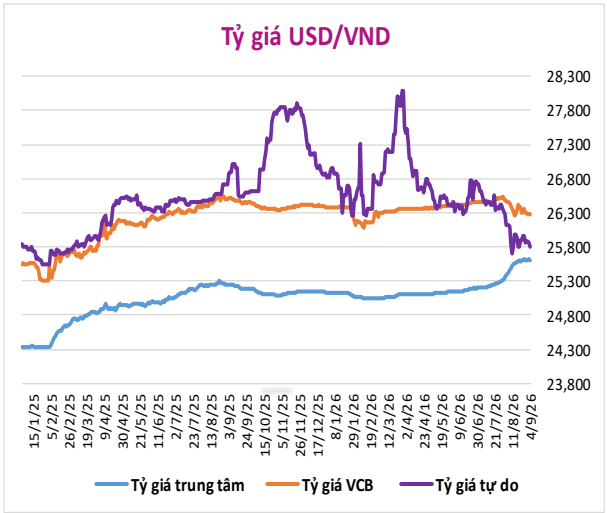

Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	06/2026	07/2026	08/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	**51.8**	**52.9**	**53.3**	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 8 đạt mức cao nhất của sáu tháng gần nhất
Sản xuất công nghiệp (YoY)	**12.7%**	**14.5%**	**14.4%**	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	**14.8%**	**14.5%**	**14.9%**	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 8 tiếp tục tăng trưởng trên 14%
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	**28.1%**	**25.5%**	**26.3%**	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	**45.7%**	**41.7%**	**38.4%**	Duy trì tăng trưởng cao, nhưng nhập siêu tháng thứ chín liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	**4.69%**	**4.45%**	**4.89%**	Lạm phát tháng 8 vượt mốc báo động 4,5%, tiếp tục neo ở mức cao.
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	**0.3%**	**0.1%**	**-0.83%**	Tỷ giá VCB và giá USD tự do giảm, trong khi tỷ giá trung tâm lại tăng

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng

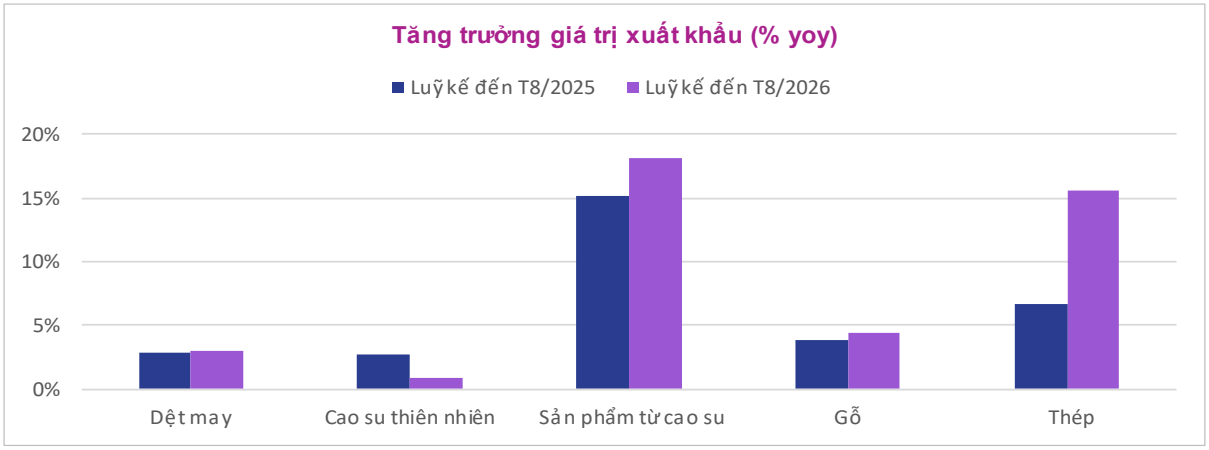

Diễn biến giá một số loại hàng hoá

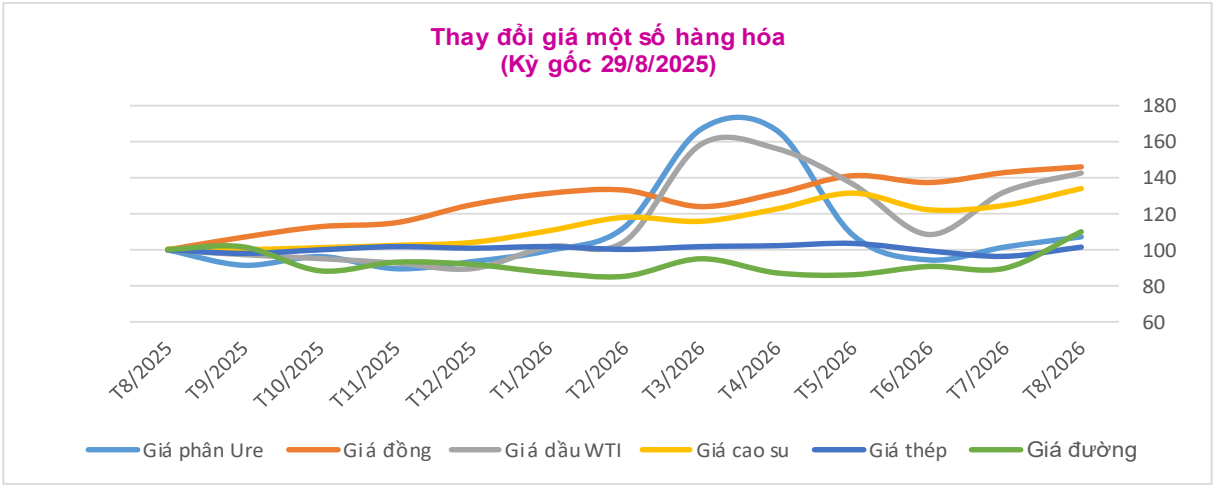

ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Lạm phát trong tháng 8 tăng lên 4.89% YoY: Theo Cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 8 tháng năm 2026 tăng 4,45% so với cùng kỳ năm trước, áp sát trần mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% của Quốc hội. Riêng tháng 8, CPI tăng 0,47% so với tháng trước do ảnh hưởng từ việc giá xăng dầu nội địa điều chỉnh tăng theo thị trường thế giới. Trong rổ hàng hóa, có 10/11 nhóm tăng giá, dẫn đầu mức tăng 8 tháng là nhóm nhà ở, vật liệu xây dựng (+6,71%) và nhóm giao thông (+5,38%). Bình quân 8 tháng, CPI cơ bản tăng 4,24%, thấp hơn mức tăng CPI chung nhờ loại trừ biến động giá năng lượng và thực phẩm. Áp lực lạm phát cận ngưỡng đòi hỏi sự thận trọng trong điều hành chính sách cuối năm. *(Nguồn: vietnambiz.vn)*

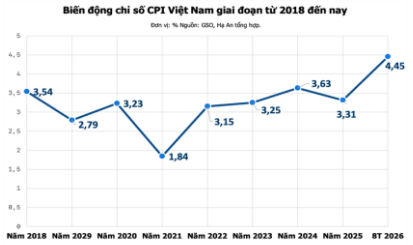

TIN QUỐC TẾ

Tỷ giá yên Nhật tăng mạnh do khả năng BOJ tăng lãi suất, không có dấu hiệu can thiệp: Đồng Yên Nhật ghi nhận đà tăng giá mạnh mẽ khi tiến sát mốc 155,47 Yên/USD do thị trường gia tăng kỳ vọng Ngân hàng Trung ương Nhật Bản (BOJ) sẽ nâng lãi suất trong cuộc họp giữa tháng. Khác với những đồn đoán ban đầu, dữ liệu chính thức cho thấy không có sự can thiệp trực tiếp từ Bộ Tài chính Nhật Bản; động lực bứt phá chủ yếu đến từ các tín hiệu chính sách thắt chặt tiền tệ cứng rắn của giới chức BOJ cùng với áp lực suy yếu của đồng USD. Hiện thị trường đang định giá tới 75% khả năng BOJ tăng 0,25 điểm phần trăm lãi suất nhằm kiểm soát lạm phát. Tuy vậy, giới chức tài chính Nhật Bản vẫn duy trì trạng thái cảnh giác cao độ trước các biến động tỷ giá. *(Nguồn: vneconomy.vn)*

Mỹ tuyên bố lưu lượng dầu qua eo biển Hormuz gần trở lại mức trước giao tranh: Chính quyền Mỹ tuyên bố dòng chảy dầu mỏ qua eo biển chiến lược Hormuz đang dần phục hồi tiệm cận mức bình thường trước khi giao tranh nổ ra. Theo số liệu do Tổng thống Donald Trump và Phó Tổng thống JD Vance công bố, lưu lượng vận chuyển đã đạt khoảng 15 – 18 triệu thùng/ngày, so với mốc 20 triệu thùng/ngày thời kỳ tiền xung đột. Phía Mỹ nhận định năng lực kiểm soát tuyến hàng hải của Iran đang suy giảm rõ rệt và Washington sẽ chỉ nối lại đàm phán khi Tehran hoàn toàn chấm dứt các hành vi tấn công tàu thuyền thương mại. Dù vậy, thời điểm kết thúc chiến dịch quân sự vẫn phụ thuộc hoàn toàn vào các động thái thực tế từ phía Iran. *(Nguồn: vov.vn)*

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ ghi nhận phiên giao dịch bùng nổ đầy hưng phấn khi cả ba chỉ số chủ chốt đều đồng loạt bứt phá mạnh mẽ trong sắc xanh lan tỏa. Cụ thể, chỉ số Dow Jones dẫn dắt đà tăng của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn khi cộng thêm 624,16 điểm (tương ứng mức tăng 1,18%), chính thức đóng cửa tại mốc cao 53.686,11 điểm. Tiếp nối quán tính tích cực, chỉ số đại diện S&P 500 cũng tăng mạnh 81,11 điểm (+1,06%) lên mức 7.747,71 điểm nhờ lực cầu lan rộng khắp các nhóm ngành trọng yếu. Đáng chú ý nhất, chỉ số công nghệ Nasdaq trở thành tâm điểm dẫn dắt toàn thị trường khi bứt tốc ngoạn mục tới 366,23 điểm (+1,40%), cán đích tại mức 26.584,06 điểm, tạo nên một phiên giao dịch thăng hoa và củng cố vững chắc tâm lý lạc quan của giới đầu tư toàn cầu. (*Nguồn: VIX tổng hợp)*

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/-(%)
Dow Jones	53686.11	624.16	1.18
S&P 500	7747.71	81.11	1.06
Nasdaq	26584.06	366.23	1.40
FTSE100	10831.52	75.07	0.70
Euro Stoxx 50	6379.25	17.10	0.27
DAX	26003.32	163.99	0.63
Nikkei 225	64617.00	291.36	0.45
Shanghai	3942.09	0.70	0.02
KOSPI	6579.48	16.76	0.26

Thị trường dầu mỏ thế giới ghi nhận diễn biến giằng co nhưng duy trì đà tăng nhẹ khi chịu tác động bởi căng thẳng địa chính trị và lo ngại gián đoạn nguồn cung tại Trung Đông. Giá dầu chuẩn quốc tế Brent dao động quanh vùng 95,5 – 96,2 USD/thùng, phản ánh tâm lý thận trọng trước nguy cơ thắt chặt nguồn cung chiến lược. Trong khi đó, dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ nhích tăng lên mức khoảng 91,3 – 92,1 USD/thùng nhờ nhu cầu tiêu thụ nội địa ổn định. Dù chịu áp lực trước đà tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại, giá năng lượng vẫn được nâng đỡ vững chắc bởi rủi ro logistics eo biển Hormuz và dự trữ dầu mỏ ở mức thấp. Đà tăng của "vàng đen" tiếp tục phả hơi nóng lên lạm phát toàn cầu. (*Nguồn: VIX tổng hợp)*

Thị trường vàng thế giới duy trì xu hướng tăng trưởng tích cực khi kim loại quý tiếp tục khẳng định vị thế là kênh trú ẩn an toàn hàng đầu của dòng tiền lớn. Giá vàng giao ngay quốc tế dao động bứt phá quanh vùng 4.470 – 4.480 USD/ounce, được nâng đỡ vững chắc bởi làn sóng mua ròng dự trữ từ các ngân hàng trung ương cùng kỳ vọng vào chính sách lãi suất toàn cầu. Tại thị trường trong nước, giá vàng miếng SJC và vàng nhẫn cũng neo vững ở vùng đỉnh lịch sử quanh mốc 147 – 148 triệu đồng/lượng, bám sát diễn biến quy đổi thế giới. Bất chấp các nhịp điều chỉnh chốt lời ngắn hạn và sự biến động của đồng USD, tâm lý thị trường nhìn chung vẫn giữ vững trạng thái lạc quan nhờ lực cầu phòng ngừa rủi ro địa chính trị bền bỉ. (*Nguồn: VIX tổng hợp)*

TIN TRONG NƯỚC

Thủ tướng: NHNN tìm điểm cân bằng giữa lạm phát và tăng trưởng, tăng tiền gửi KBNN tại các ngân hàng: Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026, Thủ tướng yêu cầu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thường xuyên đánh giá để tìm "điểm cân bằng" giữa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Cơ quan điều hành cần thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực ưu tiên, kiểm soát chặt chẽ khu vực rủi ro và phấn đấu hạ lãi suất cho vay. Đáng chú ý, Thủ tướng chỉ đạo điều hành linh hoạt tiền gửi của Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại để bổ sung thanh khoản cho nền kinh tế. Đồng thời, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ thúc đẩy giải ngân 100% vốn đầu tư công, đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn gắn với niêm yết nhằm phát triển thị trường vốn và chứng khoán. *(Nguồn: vietnambiz.vn)*

Tăng trưởng huy động vốn của ngân hàng cao hơn tín dụng: Theo báo cáo tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8/2026, Thứ trưởng Bộ Tài chính cho biết thanh khoản ngắn hạn hệ thống ngân hàng cải thiện rõ nét khi tăng trưởng huy động vốn VND đạt 8,77%, vượt mức tăng dư nợ tín dụng 8,38%. Bức tranh vĩ mô ghi nhận nhiều điểm sáng: thu ngân sách đạt 2,03 triệu tỷ đồng (80,2% dự toán), vốn FDI đăng ký đạt hơn 40,6 tỷ USD và giải ngân đầu tư công tháng 8 bứt phá tăng 23,1%. Dù vậy, áp lực điều hành vĩ mô vẫn hiện hữu nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai chữ số và kiểm soát lạm phát quanh 4,5%. Bộ Tài chính đề xuất phối hợp cùng NHNN điều hành linh hoạt tiền gửi Kho bạc Nhà nước tại các ngân hàng thương mại, đồng thời nắn dòng vốn vào lĩnh vực sản xuất ưu tiên. *(Nguồn: vietnamfinance.vn)*

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản						Chỉ số định giá				Giá thị trường (04/9/26)
			% LNST Q1/26 (YoY)	% LNST Q2/26 (YoY)	Biên lợi nhuận ròng Q1/26	Biên lợi nhuận ròng Q2/26	ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2026 (TTM)	Book Value	EPS	P/B	P/E	
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.21	7.3	22,250
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.29	4.5	17,000
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.62	6.8	47,950
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.47	8.4	36,400
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.07	9.5	143,200
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.22	25.9	26,850
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.68	8.2	61,700
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.36	7.0	31,550
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.16	14.4	75,300
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.58	8.7	32,300
11	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.53	15.9	39,750
12	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.58	7.1	51,200
13	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.23	13.6	64,300
14	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.83	11.0	72,700
15	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.96	17.3	82,900
16	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.82	5.6	12,800
17	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.23	15.05	77,700
18	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.26	7.97	14,050
19	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.77	6.75	17,350
20	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.41	7.31	9,970
21	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.27	10.74	21,700
22	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.94	17.55	12,600
23	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.95	11.44	27,050
24	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.92	11.88	17,300
25	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.55	9.92	7,170
26	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	8.13	22.43	142,100
27	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.87	15.72	28,600
28	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.55	5.09	30,350
29	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.31	15.42	68,600
30	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	4.36	4703.97	48,300
31	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.23	15.14	72,900
32	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.21	22.62	48,400
33	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.82	12.79	24,950
34	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.21	5.21	20,450
35	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.02	8.63	50,100
36	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.58	15.64	36,050
37	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	0.97	12.61	12,850
38	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.21	10.34	38,500
39	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.69	9.35	48,900
40	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.64	26.44	22,900
41	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.81	4.61	12,000
42	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.03	7.81	49,200
43	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.36	23.74	74,800
44	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.28	8.83	32,350
45	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.78	7.01	16,950
46	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.26	10.04	87,000
47	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.16	13.93	58,700
48	VGT	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.57	4.28	11,400
49	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.17	8.07	52,200
50	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	2.98	34.83	125,000
51	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.75	13.74	61,900
52	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.21	8.93	27,400
53	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.53	15.29	51,200

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Cập nhật giá hàng hoá

Chỉ số	Giá	+/- 15 ngày	+/- 30 ngày	+/- Đỉnh 1 tháng	+/- Đáy 1 tháng
BTC	80979.55(+3,928)	+17,180	+14,543	0	+18,166
Giá dầu WTI	91.3(+0)	+8	+7	-1	+16
Giá gas châu Âu	71.05(-3)	+11	+11	-3	+17
Giá vàng	4473.63(+86)	+103	+396	-184	+445
Giá đồng	6.58(+0)	-0	+0	-0	+0
Giá đường	17.99(-1)	+1	+3	-1	+4
Giá phân Ure	443.25(-1)	+57	+13	-9	+60
Giá thép	3115(+19)	+97	+36	0	+162
Giá quặng sắt (62%Fe)	99.42(+2)	+4	+1	0	+6
Giá than	147(+0)	+18	+16	0	+19
Giá đậu tương	1306.25(+5)	+159	+87	0	+159
Giá ngô	515.25(-4)	+79	+63	-4	+79
Giá nhựa Polyvinyl	4890(+130)	+361	+298	0	+443
Giá cước vận tải khô BDI	3488(+157)	+442	+818	0	+856
Giá cước vận tải container (Drewry)	4465(-8)	+168	-82	-82	+210
DXY	98.96(-1)	-1	-2	-3	+0
Giá cao su	232.8(-2)	+14	+15	-4	+22
Phốt pho vàng	28229.33(-100)	+333	+1,467	-237	+1,467
Ure(Sunsir)	1712.5(0)	-23	-53	-55	+10
H2SO4	1800(0)	-70	-313	-313	0
HRC(Sunsir)	3376(-14)	+126	+64	-14	+156
Iron Ore (Sunsir)	708.67(-6)	+10	-6	-6	+29
Cao su thiên nhiên (Sunsir)	17966.67(+67)	+1,042	+1,208	0	+1,575
PVC(Sunsir)	4685(-65)	+243	+201	-65	+310
Rebar	3153(-12)	+141	+66	-12	+151
Cautic soda	637(0)	-2	-6	-6	0

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.